

Số: 12/2025/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 29/2025/TLST/HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Đàm Ngọc T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn

Nay là thôn Đ, xã N, tỉnh Thái Nguyên

- *Bị đơn*: Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn

Nay là thôn Đ, xã N, tỉnh Thái Nguyên

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn*: Bà Nông Thị Lệ Q, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước số 2, tỉnh Thái Nguyên.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ngân hàng C

Địa chỉ: Số 169, phố L, phường H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T1; chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Vũ Mạnh H; chức vụ: Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng C N thuộc chi nhánh Ngân hàng C tỉnh Thái Nguyên; địa chỉ: Xã N, tỉnh Thái Nguyên.

+ Ngân hàng Thương mại cổ phần L

Địa chỉ: LPB T, số B đường T, phường H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quốc K; chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Hữu S; chức vụ: Giám đốc Phòng Giao dịch N - Chi nhánh B; địa chỉ: xã N, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 60, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đàm Ngọc T và chị Hoàng Thị D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Đàm Ngọc T và chị Hoàng Thị D thuận tình ly hôn.

* *Về con chung*: Chị Hoàng Thị D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đàm Thế Đ, sinh ngày 21/10/2010 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Đàm Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

* *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

* *Về nợ chung*:

- Anh Đàm Ngọc T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C qua Phòng C với tổng số tiền nợ gốc 112.000.000 đồng (một trăm mười hai triệu đồng) và lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết, cụ thể:

+ Món vay 1: Chương trình cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), mã món vay 6600000720721571; mã khách hàng 1021017127; ngày vay 06/6/2021; lãi suất 9,000/năm; lãi suất nợ quá hạn 11,700%/năm, mục đích để trồng rừng keo.

+ Món vay 2: Chương trình cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng); mã món vay 6600000728623372; mã khách hàng 1021017127; ngày vay 07/6/2024; lãi suất 9,000/năm; lãi suất nợ quá hạn 11,700%/năm, mục đích trồng rừng keo.

+ Món vay 3: Chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng); mã món vay 6600000724716867; mã khách hàng 1021017127; ngày vay 06/01/2023; lãi suất 9,000/năm; lãi suất nợ quá hạn 11,700%/năm, mục đích xây dựng công trình nước sạch, công trình vệ sinh.

- Anh Đàm Ngọc T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP L qua Ngân hàng TMCP L - Chi nhánh B - Phòng giao dịch N số tiền nợ gốc 136.250.000 đồng (một trăm ba mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số HDTD262202478 ngày 29/7/2024, thời hạn cho vay 120 tháng; lãi suất cho vay trong hạn là 8%/ năm trong 12 tháng đầu tiên.

* *Về án phí:* Áp dụng khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Anh Đàm Ngọc T tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003675 ngày 24/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Thái Nguyên. Trả lại cho anh T số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 8 - Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Tạ Huyền Trang